



UBND QUẬN LONG BIÊN

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II - LỚP 5
NĂM HỌC 2024 - 2025

A. MÔN TOÁN

1. Số học: *Phân số, số thập phân*

- Đọc viết các số thập phân, giá trị của số thập phân
- Các phép tính về phân số, phép cộng, trừ số thập phân
- So sánh phân số, số thập phân
- Sắp xếp dãy phân số, số thập phân đã cho theo thứ tự
- Làm tròn số thập phân
- Các phép tính với số đo thời gian (phép cộng, trừ)

2. Đại lượng: *Đơn vị đo khối lượng, độ dài, diện tích*

- Đổi đơn vị đo
- So sánh
- Đơn vị đo thể tích (m^3 , dm^3 , cm^3)
- Đơn vị đo thời gian.

3. Toán có lời văn:

- Bài toán liên quan đến rút về đơn vị
- Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó
- Tìm phân số của một số
- Toán trung bình cộng.
- Tỉ lệ bản đồ
- Tìm hai số khi biết Tổng- tỉ, Hiệu- tỉ của hai số.
- Giải toán tỉ số phần trăm

4. Hình học:

- Tính chu vi, diện tích của các hình đã học: hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình thang, hình tròn.
- Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của HHCN, HLP.

B. MÔN TIẾNG VIỆT

1. Đọc tiếng: Đọc và trả lời câu hỏi các bài tập đọc từ tuần 19 đến tuần 26

2. Đọc hiểu: Đọc và tìm hiểu nội dung 1 văn bản mới

3. Luyện từ và câu:

- Ôn tập về: từ loại, đại từ, từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa, kết từ
- Ôn tập xác định thành phần câu
- Dấu gạch ngang, biện pháp điệp từ, điệp ngữ.
- Câu đơn, câu ghép
- Cách nối các vế câu ghép
- Liên kết các câu bằng cách lặp từ, bằng từ ngữ nối, từ ngữ thay thế,

4. Tập làm văn: *Tả người* - Viết bài văn tả về một người thân trong gia đình em.

Đề cương ôn tập giữa học kì 2
Môn Tiếng Việt lớp 5 sách Kết nối tri thức

I. Đọc thành tiếng

Đọc và trả lời câu hỏi trong SGK các bài tập đọc dưới đây:

1. Bài: Tiếng hát của người đă (SGK trang 8)
2. Bài: Hạt gạo làng ta (SGK trang 17)
3. Bài: Giỏ hoa tháng Năm (SGK trang 26)
4. Bài: Đoàn thuyền đánh cá (SGK trang 34)
5. Bài: Hội thi thổi cơm ở Đồng Vân (SGK trang 43)
6. Bài: Hương cốm mùa thu (SGK trang 53)
7. Bài: Đường quê Đồng Tháp Mười (SGK trang 66)
8. Bài: Về thăm đất mũi (SGK trang 73)

** Chú ý:*

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu, giọng đọc có biểu cảm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa, đọc đúng tiếng, đúng từ (không đọc sai quá 5 tiếng)

II. Luyện từ và câu

1. Câu đơn và câu ghép

- Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ.
- Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ – vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

Ví dụ:

Câu đơn: Tôi là học sinh lớp 5.

Câu ghép: Tôi đang học lớp 5, còn chị Hòa đang học lớp 6.

2. Cách nối các vế của câu ghép

- Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ (và, rồi, hoặc, còn, hay, nhưng, mà, song,...).
- Các vế của câu ghép có thể nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy,...).

Ví dụ:

- Chích bông là loài chim bé nhỏ nhưng nó lại là loài chim có ích đối với nhà nông.
=> Nối bằng kết từ “nhưng”
- Ngoài sân, mèo mun đang nằm sưởi nắng, cún con cũng vậy.
=> Nối bằng dấu phẩy

3. Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ

Các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách lặp từ ngữ: câu sau lặp lại từ ngữ ở câu trước.

Ví dụ:

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế. Choắt họ có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm.

(Tô Hoài)

=> Từ “Dế Choắt”, “Choắt” được lặp lại

4. Liên kết câu bằng từ ngữ nối

Các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng một kết từ hoặc từ ngữ có tác dụng nối (goi chung là từ ngữ nối) như: rồi, nhưng, vì thế, thứ nhất, thứ hai, trái lại, ngoài ra, bên cạnh đó, đầu tiên, sau đó, tiếp theo, cuối cùng,.... Từ ngữ nối thường đứng ở đầu câu.

Ví dụ:

Cậu Năm đi công tác hơn một tháng. Vì vậy, bé Thảo phải sang nhà ông bà ngoại.

=> Hai câu được nối bằng từ “Vì vậy”

5. Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế

Các câu trong đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách dùng đại từ, danh từ,... ở câu sau thay thế cho từ ngữ đã dùng ở câu trước. Ngoài tác dụng liên kết, việc dùng từ ngữ thay thế còn tránh được sự trùng lặp từ ngữ trong đoạn văn.

Ví dụ:

Bé Hoa đã vẽ một bức tranh. Nó được đề trên giá sách.

=> Từ “nó” thay thế cho “một bức tranh”

III. Tập làm văn: Viết bài văn tả người

(1) Mở bài

Giới thiệu người được tả và nêu ấn tượng chung về người đó.

(2) Thân bài

- Tả ngoại hình (đặc điểm nổi bật về tầm vóc, dáng người, gương mặt, trang phục,...).
- Tả hoạt động (việc làm, cử chỉ, lời nói, cách ứng xử,...).
- Tả sở trường, sở thích hoặc tính tình.

(3) Kết bài

Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về người được tả.

B. Đề ôn tập

Đề 1

I. Đọc thành tiếng

Học sinh bốc thăm và đọc một trong các bài sau:

Câu 1. Bài đọc: Hạt gạo làng ta

- Đọc thuộc lòng khổ 1, 2

- Trả lời câu hỏi: Chi tiết nào cho thấy hạt gạo được kết tinh từ những

Câu 2. Bài đọc: Hội thi thổi cơm ở Đồng Văn

- Đọc đoạn từ “Hội thi bắt đầu” đến “bắt đầu thổi

- Trả lời câu hỏi: Cách lấy lửa trong hội thi thổi cơm được miêu tả như thế nào?

II. Đọc hiểu

CÂY ĐÈ

Ở một khúc quanh con đê, ngay ngã ba đầu làng, cạnh ngôi đền cổ, có một cây đê. Cây đê như vẫy gọi người xa, như vỗ về kẻ ở bằng màu xanh um tùm cao ngất với vô vàn lá hình tim. Lá đê không mọc ngang như lá đa mà cứ treo nghiêng hờ hững cho gió lách mình qua để rung lên niềm thanh thoát nhẹ nhàng, xao xuyến.

Mùa xuân khi đê ra lộc, hình như chúa xuân đã dát mỏng những tấm đồng điều thành từng chiếc lá màu đỏ au hơi ánh tím. Phải nắng lên chói chang, lá đê mới xanh óng nuột nà. Cho đến khi đông sang, lá mới ngả màu nâu thẫm trước khi rơi về gốc mẹ lạnh lùng. Những chiếc lá đê cuối cùng còn sót lại vẫn treo nghiêng như để an ủi gốc cây vắn mình trong giá rét. Cho đến khi mưa xuân phủ tấm màn voan mỏng lên cây, lá đê ướt đầm nước mắt trời không ai biết.

Cây đê thường cổ thụ. Gốc cây đê vừa là gốc vừa là rễ xoắn xuýt vào nhau, sừng sững vượt qua bão bùng mưa nắng bất chấp mọi ganh đua, chẳng màng đến niềm vui thông tục. Đền đài miếu mạo chính là chỗ cho cây đê gửi thân nương hồn như nhà tu hành đắc

đạo. Trong tâm khảm người Việt Nam, cây đề không phải là kỷ niệm mà là niềm sùng kính. Đó cũng là cây mà Đức Phật Thích Ca đã ngồi thiền, đã giác ngộ, đã thành Đức Phật Tổ từ trên hai nghìn năm trăm năm nay. Vì thế, nó được chăm chút trong mỗi làng quê từ đời này sang đời khác, vững chắc, trường tồn.

Trên đất Thăng Long thời hiện đại, có biết bao nơi còn lưu giữ bóng đề, một thứ cây cổ tích, trầm tư suy ngẫm, một thứ cây reo reo rung động lòng người bằng muôn vàn trái tim đồng cảm trong gió mơn man. Đó cũng là chút hồn non nước lắng sâu trong mỗi chúng ta chẳng?

(Băng Sơn)

Khoanh vào đáp án đúng:

Câu 1. Cây đề được trồng ở đâu?

- A. Ở một khúc quanh con đê, ngay ngã ba đầu làng, cạnh ngôi đền cổ
- B. Trong sân của đình làng
- C. Ngoài cổng làng
- D. Trên đường vào làng

Câu 2. Lá đề có hình gì?

- A. Hình tim
- B. Hình tròn
- C. Hình răng cưa
- D. Hình lưỡi liềm

Câu 3. Cây đề ra lộc vào mùa nào?

- A. Mùa xuân
- B. Mùa hạ
- C. Mùa thu
- D. Mùa đông

Câu 4. Những màu sắc dùng để miêu tả lá đề là?

- A. Đỏ au, ánh tím, xanh óng, nuốt nà
- B. Đỏ au, ánh tím, xanh óng, nâu thẫm
- C. Đỏ au, ánh tím, xanh óng, vàng ươm
- D. Đỏ au, ánh tím, xanh óng, lạnh lùng

Câu 5. Gốc cây đề có đặc điểm gì?

- A. Có màu nâu thẫm, nhiều rễ
- B. Mảnh mai, sần sùi
- C. Vừa là gốc vừa là rễ xoắn xuýt vào nhau, sừng sững vượt qua bão bùng mưa nắng bất chấp mọi ganh đua, chẳng màng đến niềm vui thông tục

[illegible]

NGÂN HÀNG CÂU HỎI

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II LỚP 5

A. TRẮC NGHIỆM (Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Chữ số 7 trong số 181,075 có giá trị là:

- A. 7 B. $\frac{7}{10}$ C. $\frac{7}{100}$ D. $\frac{7}{1000}$

Câu 2. 25% của một số là 100. Hỏi số đó là bao nhiêu?

- A. 40 B. 400 C. 25 D. 250

Câu 3. $x : \frac{5}{12} = \frac{4}{7}$

- A. $x = \frac{35}{48}$ B. $x = \frac{9}{19}$ C. $x = \frac{48}{35}$ D. $x = \frac{5}{21}$

Câu 4. Tính thể tích của hình lập phương có diện tích toàn phần bằng 150dm.

- A. 1250dm³ B. 125dm C. 125dm² D. 125dm³

Câu 5: Một hình tròn có chu vi 100,48cm. Tính bán kính của hình tròn đó:

- A. 32cm B. 16cm² C. 50,24cm D. 16cm

Câu 6: Cho hình tam giác có độ dài đáy 36cm, chiều cao bằng 75% độ dài đáy. Tính diện tích hình đó

- A. 972cm² B. 486cm² C. 468cm² D. 792cm²

Câu 7: Một mảnh đất hình tam giác vuông có tổng 2 cạnh góc vuông là 60m.

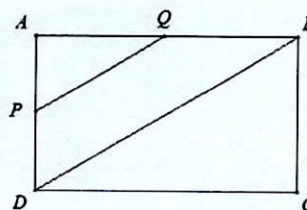
Cạnh góc vuông này bằng $\frac{2}{3}$ cạnh góc vuông kia. Tính diện tích mảnh đất đó

- A. 216cm B. 423m² C. 216cm² D. 432m²

Câu 8: Tính diện tích hình PQBD, biết AQ = 15cm;

AP = 8cm; BC = 18cm; DC = 26cm (Xem hình vẽ)

- A. 174cm² C. 234cm²
B. 174cm D. 120cm²



Câu 9: Trên một mảnh đất hình thang có đáy lớn 8m, đáy bé 6m và chiều cao 11m, người ta đã thu được 385kg rau. Tính xem trung bình mỗi mét vuông của mảnh đất đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau?

A. 2,5kg

B. 5kg

C. 25kg

D. 0,5kg

Câu 10: Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước các số đo trong lòng bể là: dài 3m, rộng 2m, cao 1m5dm. Biết 75% thể tích của bể đang chứa nước. Hỏi trong bể đang chứa bao nhiêu lít nước? (Biết $1\text{dm}^3 = 1\text{l}$)

A. 4200l

B. 600l

C. 9000l

D. 6750l

B. TỰ LUẬN

PHẦN 1. Ôn tập số thập phân

Bài 1. Đặt tính rồi tính

$$879,98 + 543,76$$

$$654,908 + 658,76$$

$$543,986 + 809$$

$$765 + 102,56$$

$$23,8 \times 7,6$$

$$87,65 \times 4,3$$

$$543,9 \times 2,64$$

$$91,24 \times 5,7$$

$$344,56 - 43,879$$

$$987,64 - 342,87$$

$$768,09 - 65,219$$

$$2018 - 207,8$$

$$72 : 4,5$$

$$281,6 : 80$$

$$912,8 : 2,8$$

$$0,162 : 0,36$$

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Tính nhẩm

$$0,12 \times 10$$

$$98,76 \times 10$$

$$0,143 \times 10$$

$$954,7 \times 10$$

$$76,099 \times 100$$

$$0,2018 \times 100$$

$$8,765 \times 100$$

$$234,65 \times 1000$$

$$0,23 : 100$$

$$67,89 : 1000$$

$$897650 : 10000$$

$$238,98 : 1000$$

 $98,12 \times 100$

$0,123 \times 1000$

$523,463 : 1000$

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

$4\text{m } 25\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$12\text{m } 8\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$28\text{km } 34\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

$36\text{ tấn } 87\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tấn}$

$4\text{ tạ } 3\text{kg} = \dots\dots\dots\text{ tạ}$

$65\text{ kg } 9\text{g} = \dots\dots\dots\text{kg}$

$8\text{kg } 12\text{g} = \dots\dots\dots\text{ kg}$

$8,56\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$1,7\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$

$0,42\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$0,008\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$

$23\text{ha } 543\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

$15\text{ } 735\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

$428\text{ha} = \dots\dots\dots\text{km}^2$

$892\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

$14\text{ha} = \dots\dots\dots\text{km}^2$

$8\text{m}^2\text{ } 72\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

$52\text{m}^2\text{ } 9\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

$2,7\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

$87,65\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

$2,9\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

Bài 4. Tìm x

$a) 5,62 - x = 2,78$

$b) 72 - x = 27,72$

$c) x : 3,15 = 12,9$

$d) x \times 7,25 = 72,5$

$e) x - 1,4 = 1,9 + 3,7$

$f) 61,6 - x = 216,72 : 4,2$

Trường Tiểu học Giang Biên

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Tính bằng cách thuận tiện

a) $60 - 26,75 - 13,25$

f) $4,86 \times 0,25 \times 40$

b) $45,28 + 52,17 - 15,28 - 12,17$

g) $72,9 \times 99 + 72 + 0,9$

c) $38,25 - 18,25 + 21,64 - 11,64 + 9,93$

h) $0,125 \times 6,94 \times 80$

d) $(72,69 + 18,47) - (8,47 + 22,69)$

i) $0,8 \times 96 + 1,6 \times 2$

e) $96,28 \times 3,527 + 3,527 \times 3,72$

Lời giải

.....

.....

.....

.....

PHẦN 2. Ôn tập tỉ số phần trăm

Bài 6.

- a) Tìm 2% của 1000kg.
- b) Tìm 15% của 36m
- c) Tìm 22% của 30m^2
- d) Tìm 0,4% của 3 tấn.

Lời giải

Bài 7. Một đội bóng rổ đã thi đấu 20 trận, thắng 12 trận. Tính tỉ số phần trăm các trận thắng của đội bóng đó.

Lời giải

Bài 8. Trong bể có 25 con cá, trong đó có 20 con cá chép. Tính tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9. Khối lớp 5 của một trường tiểu học có 150 học sinh, trong đó có 52% là học sinh nữ. Hỏi khối lớp 5 có bao nhiêu học sinh nam?

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 10. Lớp 5A có 18 học sinh nữ và chiếm 60% số học sinh cả lớp. Hỏi lớp tất cả bao nhiêu học sinh?

Lời giải

.....

.....

Trường Tiểu học Giang Biên

Bài 11. Lãi suất tiết kiệm là 0,6% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 80 000 000 đồng. Hỏi sau một tháng, người đó có tất cả bao nhiêu tiền?

Lời giải

Bài 12. Lãi suất tiết kiệm là 0,6% một tháng. Một người gửi tiết kiệm sau một tháng lãi được 240 000 đồng. Hỏi người đó đã gửi tiết kiệm tháng đó bao nhiêu tiền?

Lời giải

PHẦN 3. Hình thang – hình tròn – biểu đồ hình quạt

Bài 13. Điền vào ô trống trong bảng sau đây:

	Đáy lớn (a)	Đáy nhỏ (b)	Chiều cao (h)	Diện tích (S)
--	-------------	-------------	---------------	---------------

ABCD	15,6m	12,4m	8,4m	
MNPQ	24,12m	18,38m		212,5m ²
RSLT		14,5m	12,25m	367,5m ²

Bài 14. Tính

a) Diện tích hình thang có đáy nhỏ là 1,6dm, đáy lớn là 2,5dm và chiều cao 1,2dm.

b) Tính diện tích hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 28cm và 35cm, chiều cao 30cm.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 15. Một mảnh đất hình thang có đáy bé là 150m, đáy lớn bằng $\frac{5}{3}$ đáy bé, chiều cao bằng $\frac{2}{5}$ đáy lớn. Tính diện tích mảnh đất đó.

Lời giải

.....

.....

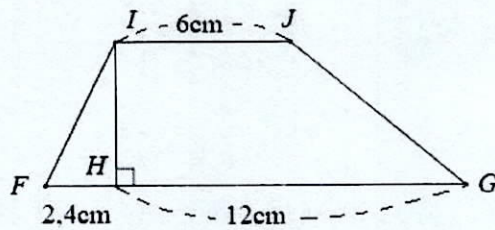
.....

.....

.....

.....

Bài 16. Cho hình bên, hãy tính diện tích hình thang IJGH, biết diện tích hình tam giác IHF là 6cm².



Lời giải

.....

.....

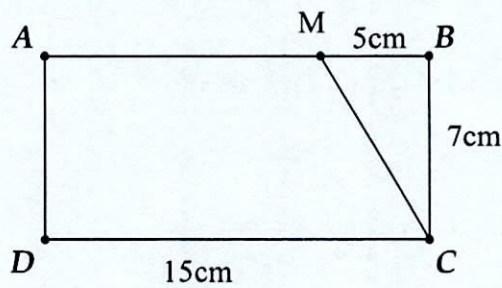
.....

.....

.....

.....

Bài 17. Tính diện tích hình thang AMCD trong hình dưới đây.



Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 18. Cho hình thang ABCD có đáy $AB = \frac{1}{2}CD$. Điểm M là trung điểm của CD. Nối B với M. Diện tích hình tam giác BCM là 35cm^2 . Tính diện tích hình thang ABCD.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 19. Một hình thang có diện tích $94,5\text{cm}^2$, đáy lớn là $13,6\text{cm}$, đáy bé là $7,4\text{cm}$. Nếu tăng thêm đáy lớn $4,2\text{cm}$ thì diện tích hình thang tăng thêm bao nhiêu xăng-ti-mét-vuông?

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 20. Một thửa ruộng hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 110m và $90,2\text{m}$. Chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy. Tính diện tích thửa ruộng đó.

Lời giải

.....

.....

Bài 21. Tính chu vi và diện tích của hình tròn có bán kính 4cm.

Lời giải

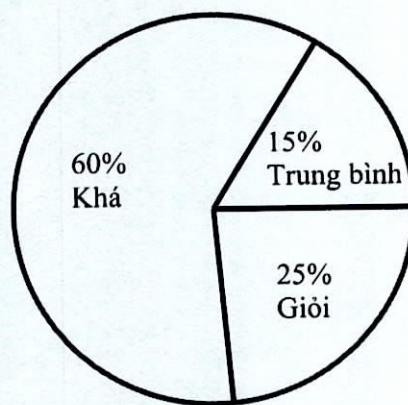
Bài 22. Tính diện tích hình tròn có đường kính 4cm.

Lời giải

Bài 23. Một đám đất hình thang có đường cao 20,5m, đáy bé bằng 18,3m, đáy lớn bằng 22,5m. Giữa đám đất ấy người ta đào một cái giếng hình tròn có bán kính 1,3m. Tính diện tích phần còn lại của đám đất.

Lời giải

Bài 24. Biểu đồ hình quạt (hình bên) nói về kết quả học tập của khối Năm trường tiểu học Thành Công. Biết tổng số học sinh khối Năm là 240 học sinh. Hãy tính và ghi số thích hợp vào chỗ chấm:

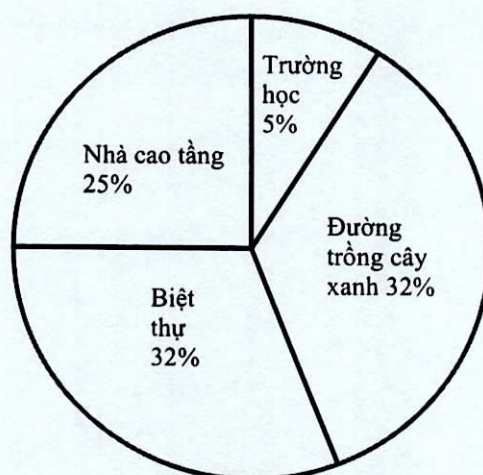


- a) Học sinh giỏi: ... em
- b) Học sinh khá: ... em
- c) Học sinh trung bình: ... em

Lời giải

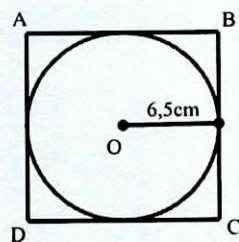
Bài 25. Biểu đồ hình quạt dưới đây nói về tỉ số phần trăm đất sử dụng cho khu đô thị mới Văn Phú. Biết diện tích khu đô thị là 47ha. Em xem biểu đồ và ghi vào ô trống cho thích hợp:

- a) Diện tích đất xây nhà cao tầng: ...
b) Diện tích đất xây nhà biệt thự: ...
c) Diện tích đất xây trường học: ...
d) Diện tích đất làm đường và trồng cây xanh: ...



Lời giải

Bài 26. Tính diện tích phần bên ngoài của hình tròn so với hình vuông, biết hình ABCD là hình vuông và bán kính hình tròn tâm O là 6,5 cm.



Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN 4. Hình hộp chữ nhật – hình lập phương (14 bài)

Bài 27. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật có chiều dài 8dm, chiều rộng 5dm, chiều cao 6dm.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 28. Tính diện tích một mặt, diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 9,5cm.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 29. Tính thể tích của hình lập phương có cạnh 1,5dm.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 30: Một bể nước hình hộp chữ nhật có chiều dài 4,5m, chiều rộng là 2,5m và chiều cao là 1,8m (không có nắp)

- a) Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của bể nước đó
- b) Bể đó chứa được nhiều nhất bao nhiêu lít nước?
- c) Trong bể đang có $16,2\text{m}^3$ nước. Tính chiều cao của mực nước trong bể?

Lời giải

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 31. Một cái thùng không nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,5m, chiều rộng 0,6m và chiều cao 8dm. Người ta sơn mặt ngoài của thùng. Hỏi diện tích cần quét sơn là bao nhiêu mét vuông?

Lời giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 32. Một người thợ gò một cái thùng tôn không nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 6dm, chiều rộng 4dm và chiều cao 9dm. Tính diện tích tôn dùng để làm thùng.

Lời giải

Bài 33. Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có thể tích $1,8\text{m}^3$. Đáy bể có chiều dài $1,5\text{m}$, chiều rộng $0,8\text{m}$. Tính chiều cao của bể.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 34. Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước bên trong lòng hồ là: chiều dài 20m , chiều rộng 10m và sâu $1,2\text{m}$. Người ta lát gạch men xung quanh (bên trong) và đáy hồ. Người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 2dm để lát (không kể các mạch vữa). Hãy tính:

- a) Diện tích phần lát gạch.
- b) Tìm số viên gạch cần mua để lát.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 35. Bạn An làm một cái hộp dạng hình lập phương bằng bìa có cạnh 10cm .

- a) Tính thể tích cái hộp đó.
- b) Nếu dán giấy màu tất cả các mặt ngoài của hộp đó thì bạn An cần dùng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông giấy màu?

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 36: Một thùng hình hộp chữ nhật bằng tôn, đáy là một hình vuông có cạnh 3dm. Người ta rót vào thùng đó 45 lít dầu hỏa. Tính chiều cao của dầu trong thùng biết rằng $1\text{l} = 1\text{dm}^3$.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 37: Một hình lập phương có diện tích toàn phần là 294cm^2

a) Tính thể tích hình lập phương

b) Người ta xếp 180 hình lập phương nói trên đầy vào một hình hộp chữ nhật có kích thước đáy là 35cm và 63cm. Tính xem xếp được mấy lớp (tầng) hình lập phương trong hình hộp chữ nhật.

Lời giải

.....

.....

.....

Trường Tiểu học Giang Biên

Bài 38: Một bể nước hình lập phương (không có nắp) có cạnh 0,6m

a) Tính diện tích toàn phần của bể nước

b) Trong bể đang chứa nước đến $\frac{2}{3}$ bể. Hỏi phải đổ thêm mấy lít thì bể mới đầy? Biết $1\text{ l} = 1\text{ dm}^3$.

Lời giải

Bài 39. Một phòng học dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 5m và chiều cao 4,5m. Người ta muốn quét vôi trần nhà và bốn bức tường phía trong phòng. Biết rằng diện tích các cửa bằng $9,5\text{ m}^2$. Hãy tính diện tích cần quét vôi.

Lời giải

Bài 40. Một phòng học có dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 9,5m, chiều rộng 5m và chiều cao 3,2m. Hỏi phòng học đó có đủ không khí cho một lớp học gồm 36 học sinh và 1 giáo viên hay không? Biết mỗi người cần 4m^3 không khí?

Lời giải